

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HSST
Ngày 01/8/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Tâm;
- Ông Thông Minh Tấn;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1976, tại Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Tiền án, tiền sự: (không); *Nhân thân:* Ngày 28/3/2005, Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trẻ em" theo bản án số 79/2005/HSST; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/5/2008 và toàn bộ bản án. Đến nay, đã đương nhiên được xóa án tích theo Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

*** Quan hệ gia đình:** Con ông Nguyễn Văn C (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1951; có cha nuôi là ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1945 (chồng của bà Nguyễn Thị L); Bị cáo sống chung với bà Nguyễn Văn B1 - sinh năm 1982 (không đăng ký kết hôn), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất

sinh năm 2024. Gia đình bị cáo trú tại Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đ. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hàm Thuận Nam.

Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh B.
(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh B.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 13/12/2010, ông Huỳnh Văn Q (sinh năm 1976, trú Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh B) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, màu đen vàng, biển kiểm soát 86L1-5392 đến chòi rẫy thanh long ở thôn Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh B để nhậu. Khi ông Q đến chòi rẫy thì có Nguyễn H (sinh năm 1974, trú Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh B) và Nguyễn Văn T là người làm thuê vườn thanh long cho ông Q đang ở đây. Lúc này, ông Q nói quên mang theo rượu nên T nói để T đi mua rượu thì ông Q đồng ý và đưa cho T số tiền 20.000 đồng, đồng thời cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 để đi mua rượu. Trên đường đi, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 nên đã điều khiển xe mô tô trên bỏ trốn vào tỉnh Đ. Đến khoảng bốn ngày sau, T mang xe mô tô trên đến khu vực ngã ba Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch với số tiền 3.800.000 đồng. Số tiền này và số tiền 20.000 đồng mà ông Q đưa mua rượu, T đã tiêu xài hết rồi tiếp tục bỏ trốn. Ngày 17/4/2011, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Thuận Nam đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 29/3/2024, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/2010-HĐĐG ngày 30/12/2010 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe mô tô Yamaha trị giá 32.400.000 (*ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Về dân sự: Xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 đến nay không thu hồi được, bị hại Huỳnh Văn Q yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường trị giá xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 với số tiền là 26.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường số tiền 20.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đến nay, bị cáo chưa bồi thường.

Đối với người đàn ông mua xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 từ Nguyễn Văn T, đến nay không xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, không đề cập xử lý trong cùng vụ án này.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKSHTN-HS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam thực hành quyền công tố luận tội và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKSHTN-HS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); các Điều 604, 605, 606, 607, 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông Huỳnh Văn Q trị giá xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 với số tiền là 26.000.000 (*Hai mươi hai sáu triệu*) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Hàm Thuận Nam, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, thế nhưng vì lòng tham, bị cáo vẫn cố tình thực hiện, cụ thể: Vào chiều ngày 13/12/2010, tại thôn Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh B, sau khi được ông Huỳnh Văn Q tin tưởng đưa số tiền 20.000 đồng và cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 để đi mua rượu, trên đường đi bị cáo Nguyễn Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài nên đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86L1-5392 bỏ trốn cùng với số tiền 20.000 đồng của ông Q đưa cho bị cáo để mua rượu, sau đó bị cáo bán xe cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực ngã ba Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai với giá 3.800.000 đồng và tiêu sài hết toàn bộ số tiền. Bị cáo tiếp tục bỏ trốn, đến ngày 29/3/2024, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/2010-HĐĐG ngày 30/12/2010 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe mô tô Yamaha trị giá 32.400.000 (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt của ông Huỳnh Văn Q là 32.420.000 (*Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Về yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ “ăn năn hối cải”, sau thời gian bỏ trốn và bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Quyết định hình phạt: Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cần thiết phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ toàn diện tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết liên

quan, các yếu tố nhân thân khác để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội; bị cáo từng bị xét xử về tội “Mua bán trẻ em”, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn khiến cơ quan điều tra phải truy nã trong thời gian dài, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo kết luận định giá tài sản số 51/2010-HĐĐG ngày 30/12/2010 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 86L1-5392 của ông Huỳnh Văn Q trị giá 32.400.000 (*Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng, ngoài ra, bị cáo còn chiếm đoạt của ông Q số tiền 20.000 đồng (ông Q đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T để mua rượu). Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn Q chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền mà ông Q đã chi phí mua xe là 26.000.000 (*Hai mươi sáu triệu*) đồng; Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của ông Huỳnh Văn Q, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của ông Q; đến nay bị cáo chưa thực hiện bồi thường; do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 604, 605, 606, 607, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn Q số tiền 26.000.000 (*Hai mươi sáu triệu*) đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/3/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 604, 605, 606, 607, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn Q số tiền là 26.000.000 (*Hai mươi sáu triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.300.000 (*Một triệu ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Hàm Thuận Nam;
- CA huyện Hàm Thuận Nam;
- THADS Hàm Thuận Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Hội